

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ - PT
Ngày: 02 – 11 – 2018
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Tuyết Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLPT- HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2018, về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 32/2017/HNGĐ-ST, ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2018/QĐ-PT, ngày 19 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T1, sinh năm 1992; trú tại ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Tấn T2, sinh năm 1992; trú tại ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Do có kháng cáo của:* Anh Trần Tấn T2, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T1 trình bày:*

Chị T1 và anh Trần Tấn T2 do tự tìm hiểu và chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình nhau và cha mẹ chồng chị luôn khó khăn hay chửi bới chị, anh T2 không quan tâm chị, đến ngày 25/12/2017 ả vợ chồng cự cãi nhau và chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Nay chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh Trần Tấn T2.

- Về con chung: Chị T1 và anh T2 có 01 con chung tên Trần Thị Bảo T3, sinh ngày 24/8/2016, khi chị đi về cha mẹ ruột ngày 25/12/2017 ả thì chị có bằng con theo nhưng do cha mẹ chồng và chồng chị không cho nên chị không bằng con theo được. Do đó khi ly hôn chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Bảo T3, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai 06/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ ả bị đơn anh Trần Tấn T2 trình bày:*

Thông nhất theo lời trình bày của chị T1 về thời gian kết hôn và quá trình chung sống; về con chung; riêng mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi, chị T1 thường hay về mẹ ruột không lo chuyện gia đình chứ không phải do cha mẹ anh T2 khó khăn với chị T1.

- Nay anh T2 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T1.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T2 cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về con chung: Anh T2 yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thị Bảo T3, sinh ngày 26/10/2016 không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên Tòa sơ thẩm anh T2 trình bày nếu Tòa quyết định giao con cho chị T1 nuôi thì anh cũng đồng ý.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 32/2018/HNGĐ-ST, ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm đã quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 262 Bộ luật tổ tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 51, 53, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T1 được ly hôn với anh Trần Tấn T2.

- Về con chung: Chị Lê Thị T1 và anh Trần Tấn T2 xác định có một người con chung tên Trần Thị Bảo T3, sinh ngày 24/8/2016. Giao cháu Trần Thị Bảo T3 cho chị Lê Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh Trần Tấn T2 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về tài sản chung; về nợ chung phải thu, phải trả; về án phí dân sự sơ thẩm; về quyền và nghĩa của các đương sự trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 07/6/2018, bị đơn anh Trần Tấn T2 có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số: 32/2018/HNGĐ-ST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về con chung. Anh T2 không đồng ý giao con chung tên Trần Thị Bảo T3 cho chị T1 nuôi dưỡng.

Lý do: Chị T1 chỉ biết lo cho bản thân, không quan tâm đến con, bỏ con đi khi con còn bú sữa mẹ, thời gian chị T1 bỏ con đi anh T2 vẫn lo cho con bình thường, không ảnh hưởng sức khỏe nên anh T2 không đồng ý giao con cho chị T1 nuôi.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- *Người kháng cáo là bị đơn anh Trần Tấn T2 trình bày:* Vẫn giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Anh T2 yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thị Bảo T3, sinh ngày 24/8/2016, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Chị Lê Thị T1 trình bày:* Chị T1 đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh T2, tức chị T1 đồng ý giao con chung tên Trần Thị Bảo T3, sinh ngày 24/8/2016 cho anh T2 được tiếp tục nuôi. Chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm.

- Đối với kháng cáo của anh T2. Xét, anh T2 kháng cáo yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thị Bảo T3, sinh ngày 24/8/2016, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên Tòa chị T1 đồng ý giao cháu T3 cho anh T2 tiếp tục nuôi dưỡng, nên đề nghị Tòa chấp nhận kháng cáo của anh T2, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các

đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về thủ tục:** Tòa sơ thẩm xét xử ngày 23/5/2018 đến ngày 07/6/2018 anh Trần Tấn T2 có đơn kháng cáo nên kháng cáo của anh T2 là hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- **Về nội dung:**

[1] Đối với kháng cáo của anh Trần Tấn T2 yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thị Bảo T3, sinh ngày 24/8/2016, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T2 và chị T1 tự nguyện thỏa thuận: Chị T1 đồng ý giao con chung tên Trần Thị Bảo T3, sinh ngày 24/8/2016 cho anh T2 được tiếp tục nuôi dưỡng và anh T2 đồng ý tiếp tục nuôi con chung, anh T2 không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Nên theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa án sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của anh T2 và chị T1 tại phiên tòa như nêu trên theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp chị T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T2 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T1. Ngược lại anh T2 cùng các thành viên gia đình anh T2 không được cản trở chị T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do anh T2 và chị T1 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, nên theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh T2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được khấu trừ từ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0008999 ngày 14/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, anh T2 không phải nộp thêm.

[3] Quyết định khác của án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân; về tài sản chung; về nợ chung phải thu, phải trả; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm, sửa án sơ thẩm về con chung như sau:

Giao cháu Trần Thị Bảo T3, sinh ngày 24/8/2016 cho anh Trần Tấn T2 tiếp tục nuôi dưỡng; chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T2; chị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp chị T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T2 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T1. Ngược lại anh T2 cùng các thành viên gia đình anh T2 không được cản trở chị T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án dân sự phúc thẩm: Anh Trần Tấn T2 nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được khấu trừ từ 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh T2 đã nộp theo biên lai thu số: 0008999 ngày 14/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, anh T2 không phải nộp thêm.

3. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân; về tài sản chung; về nợ chung phải thu, phải trả; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND T.VL;
- TAND H. Vũng Liêm;
- Chi cục THADS H. Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu HS; Tổ HC-TP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu